CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8

Ngày 31/12/2025	9,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.8%	**-1.0%**	**5.4%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,521 - 10,490
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26
Số lượng CPLH (CP)	2,672,157
KLGD BQ 20 phiên (CP)	60
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.12
EPS	214
P/E	44.9

DT thuần
Q4/25
56.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 41.3| 281%
YoY: ▲ 14.3| 34.3%

LN thuần
Q4/25
0.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.41| 458%
YoY: ▲ 0.09| 22.6%

LN sau thuế
Q4/25
0.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.26| 328%
YoY: ▲ 0.01| 3.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
0.7%
YoY: +/-▼ 0.0%

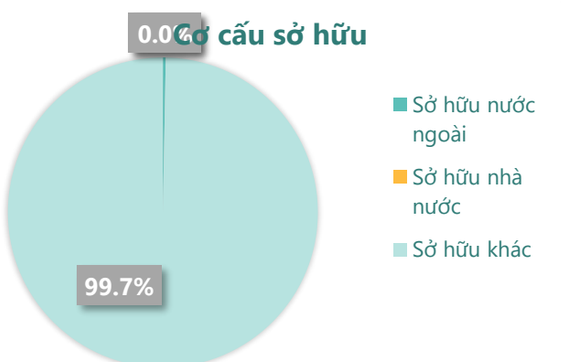
ROE
2025
2.0%
YoY: +/-▲ 0.2%

DT thuần
2025
103
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.3| 14.3%

LN thuần
2025
0.79
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.14| 22.1%

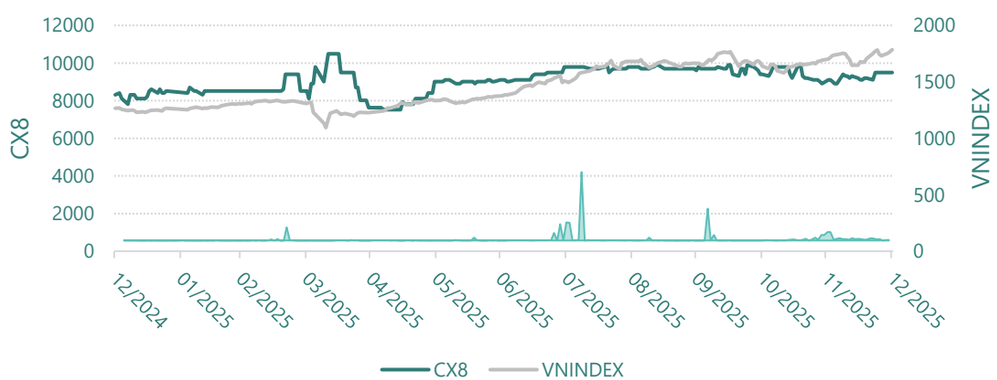
LN sau thuế
2025
0.57
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.05| 9.1%

Cơ cấu sở hữu

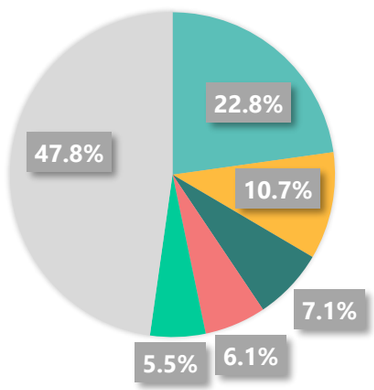


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

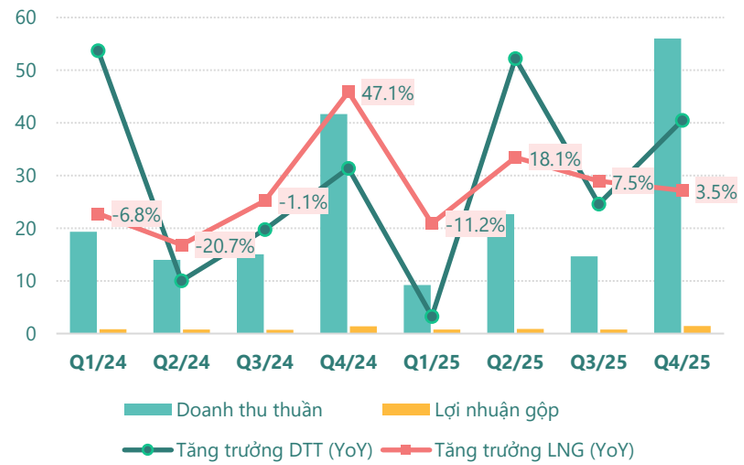


- Vũ Đức Tiến (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Quang Huy
- Vũ Tường Vy (Thành viên HĐQT)
- Trần Bá Hùng
- Vũ Duy Hậu (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

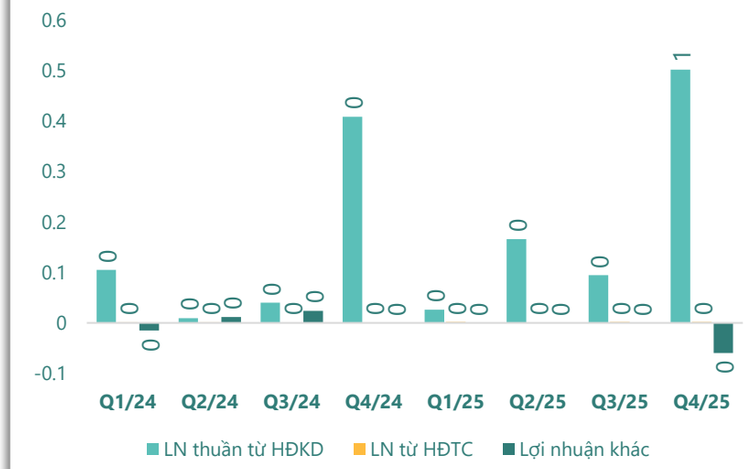
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



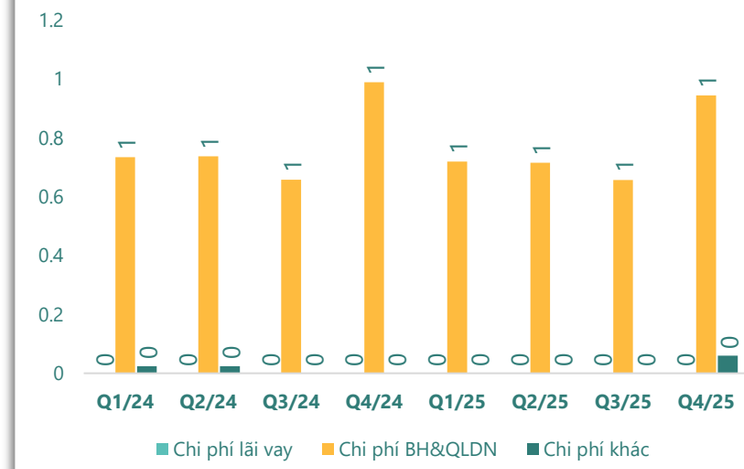
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



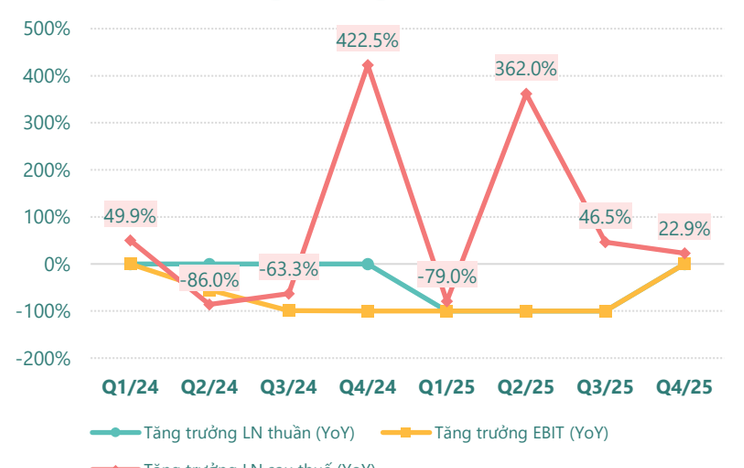
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



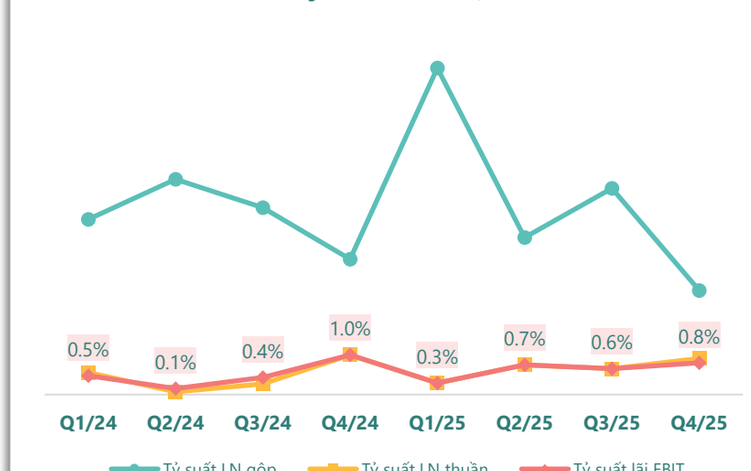
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



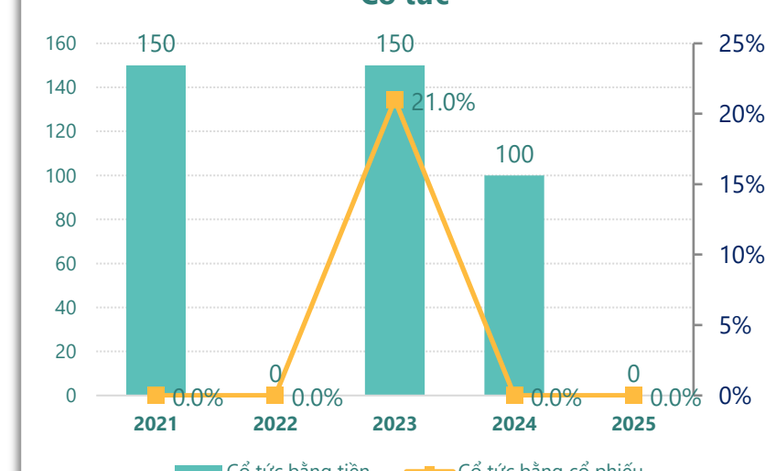
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

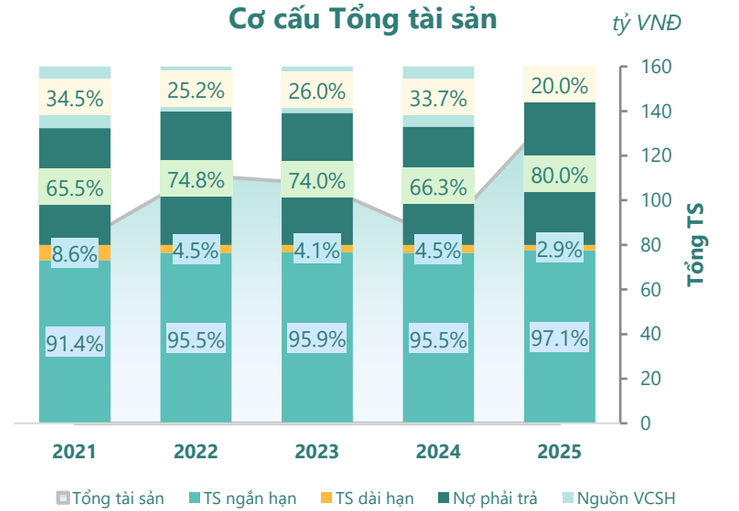
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

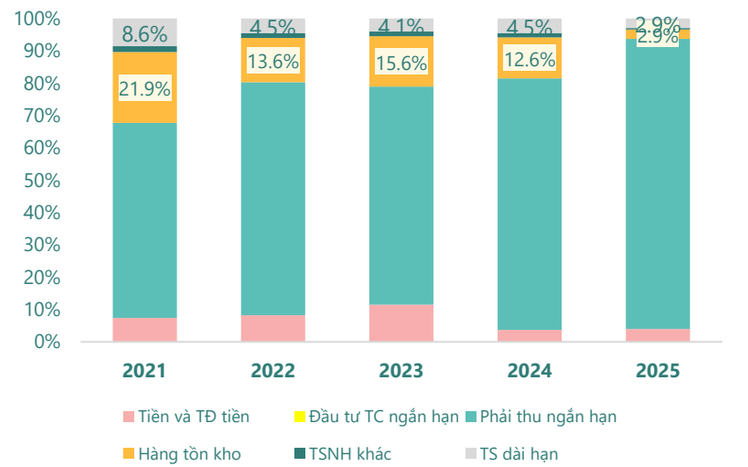
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



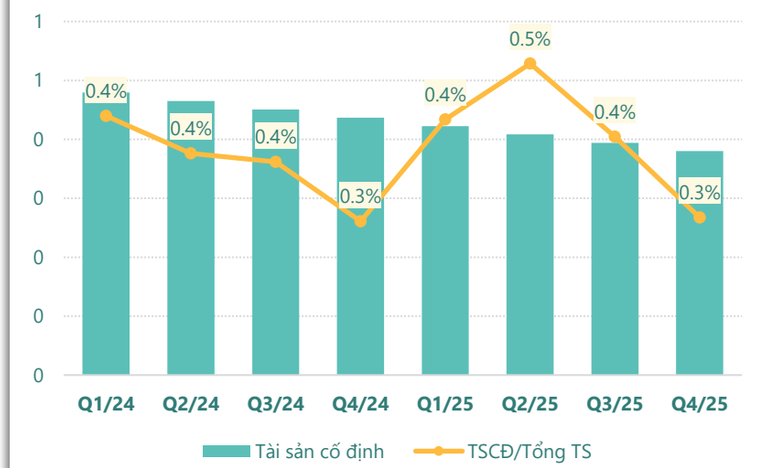
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



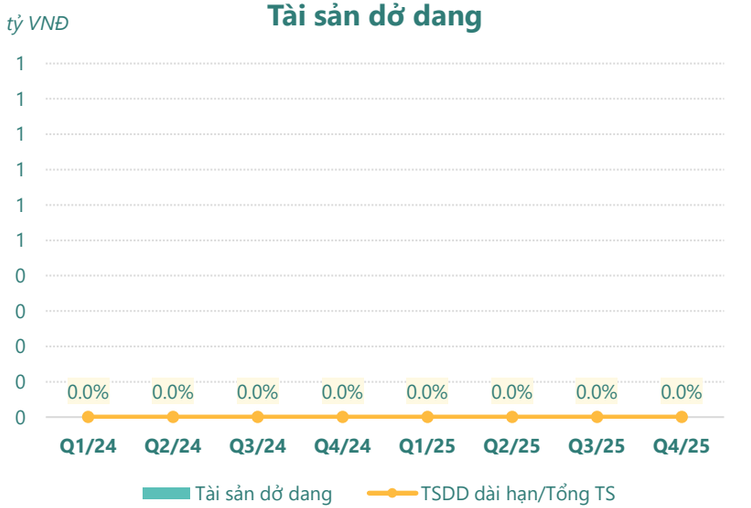
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



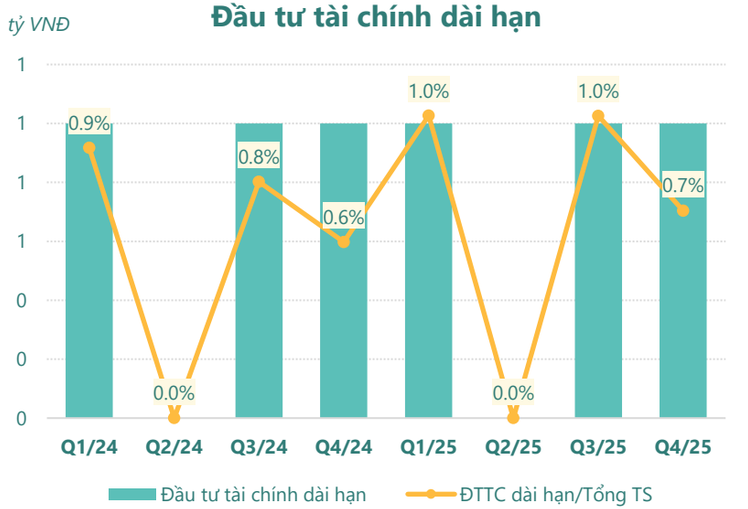
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



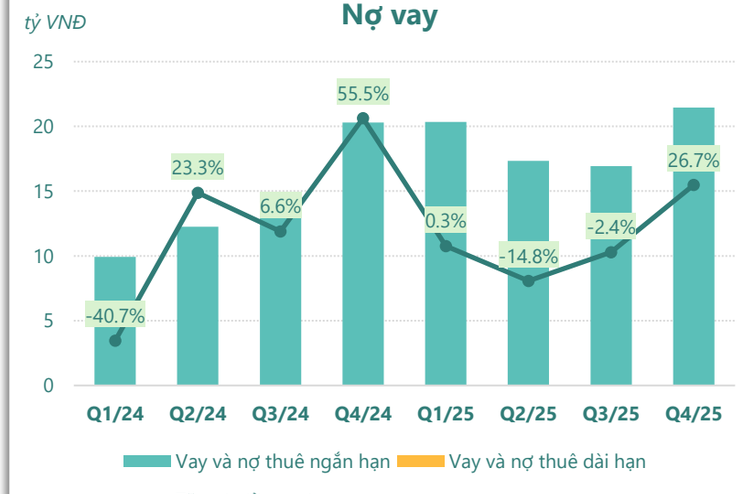
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

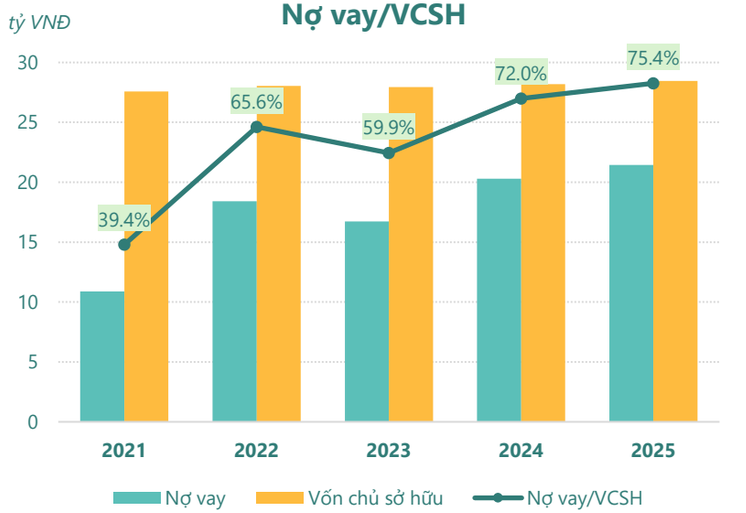
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

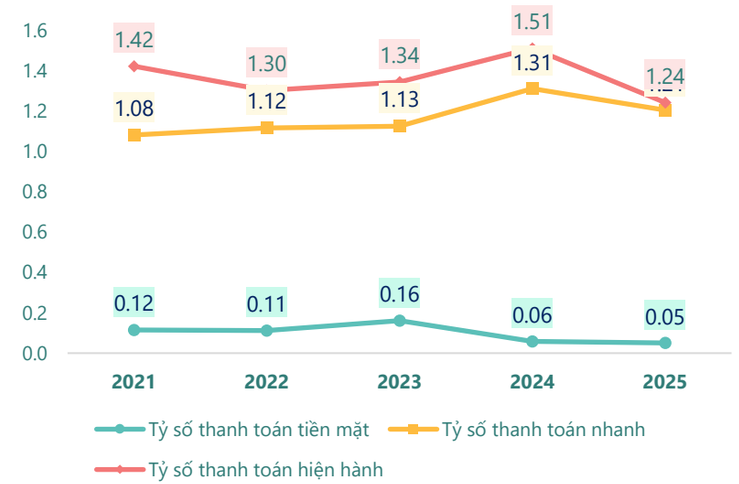
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



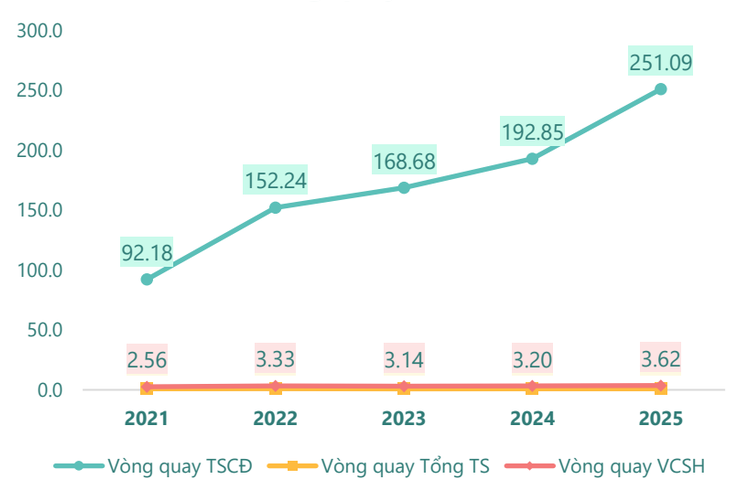
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



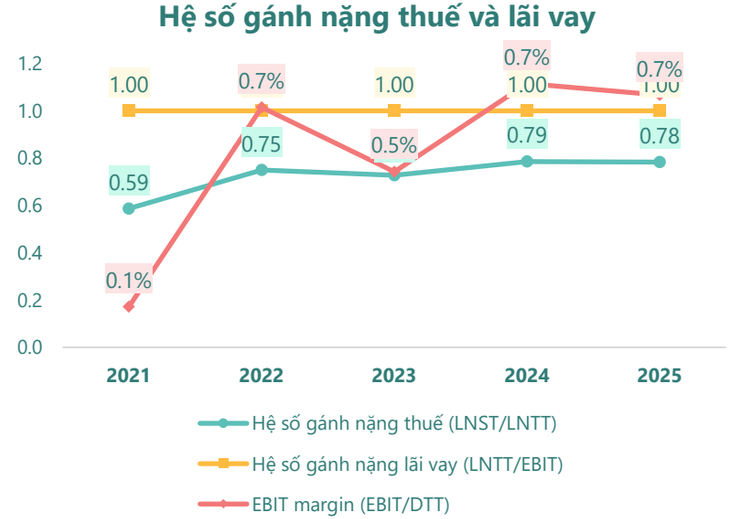
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



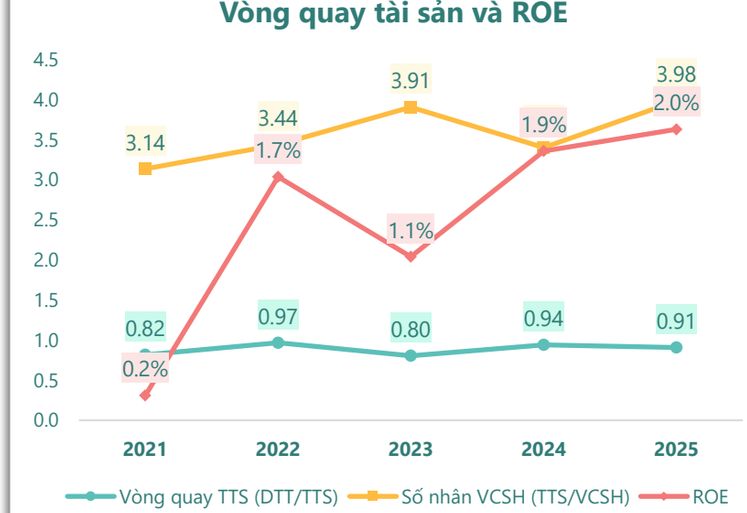
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



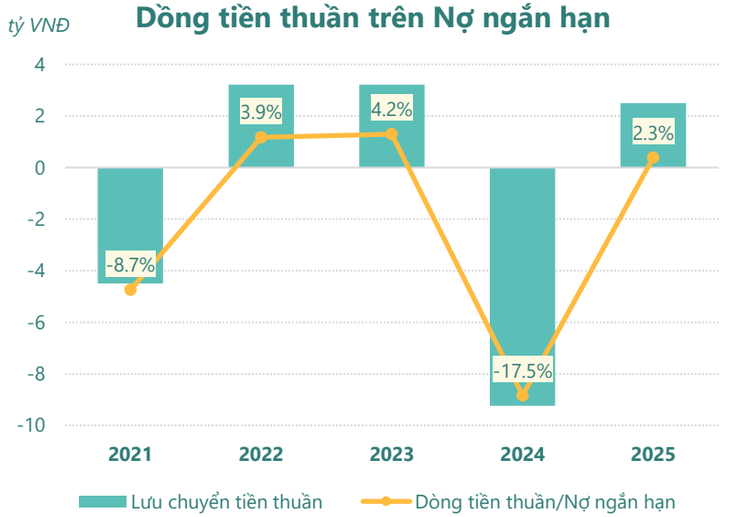
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**56.0**	**41.7**	**34.3%**	**103**	**89.7**	**14.3%**
Giá vốn hàng bán	54.6	40.3	35.4%	98.7	85.9	14.9%
Lợi nhuận gộp	1.45	1.40	3.3%	3.82	3.76	1.6%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.00	57.6%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.95**	**0.99**	**-4.5%**	**3.04**	**3.12**	**-2.6%**
LN thuần từ HĐKD	0.50	0.41	22.6%	0.79	0.65	22.1%
Lợi nhuận khác	**-0.06**	**0.00**		**-0.06**	**0.02**	**-393%**
LN trước thuế	0.44	0.41	7.9%	0.73	0.67	9.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.34**	**0.33**	**3.7%**	**0.57**	**0.52**	**9.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.34**	**0.33**	**3.7%**	**0.57**	**0.52**	**9.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.90	7.61	2.64	7.37	-2.15	26.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.73	-5.16	-5.26	2.09	-6.01	-22.8
Tiền đầu kỳ	0.49	0.67	3.11	0.50	9.96	1.80
Lưu chuyển tiền thuần	**0.17**	**2.45**	**-2.61**	**9.46**	**-8.15**	**3.81**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.67	3.11	0.50	9.96	1.80	5.61

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**142**	**83.5**	**70.0%**
Tài sản ngắn hạn	138	79.8	72.8%
Tiền và tương đương tiền	5.61	3.11	80.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	127	65.0	96.2%
Hàng tồn kho	4.12	10.6	-61.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.69	1.16	-40.2%
Tài sản dài hạn	**4.18**	**3.74**	**11.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.38	0.44	-13.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.80**	**3.30**	**-15.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	114	55.3	105%
Nợ ngắn hạn	**111**	**52.8**	**110%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.5	20.3	5.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.13	0.13	0.0%
Nợ dài hạn	2.64	2.56	3.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**28.5**	**28.2**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**28.5**	**28.2**	**1.0%**
Vốn điều lệ	26.7	26.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)